



Xác định hằng số tỉ lệ của mỗi bảng. Viết câu trả lời dưới dạng $y = kx$.

Vd)

Thời gian tính bằng phút (x)	3	9	10	6	5
Khoảng cách đi được tính bằng mét (y)	36	108	120	72	60

Mỗi phút đi được 12 mét.

1)

Thanh sôcôla (x)	10	9	2	5	4
Lượng calo (y)	3.870	3.483	774	1.935	1.548

Mỗi thanh sô cô la có _____ calo.

2)

Thời gian tính bằng phút (x)	9	3	2	7	5
Gallon nước được sử dụng (y)	180	60	40	140	100

Mỗi phút _____ gallon nước được sử dụng.

3)

Hộp kẹo (x)	9	2	7	3	4
Những miếng kẹo (y)	180	40	140	60	80

Đối với mỗi hộp kẹo, bạn nhận được _____ miếng.

4)

Phiếu bầu cho Hà (x)	7	8	10	6	4
Phiếu bầu cho Tài (y)	231	264	330	198	132

Đối với Mỗi phiếu bầu cho Hà, đã có _____ phiếu bầu cho Tài.

5)

Điện thoại đã Bán (x)	6	10	9	8	5
Tiền kiếm được (y)	288	480	432	384	240

Mỗi điện thoại bán ra kiếm được _____ đô la.

6)

Ly nước chanh (x)	9	4	8	5	2
Chanh được sử dụng (y)	27	12	24	15	6

Đối với mỗi ly nước chanh, có _____ quả chanh được sử dụng.

7)

Kẻ thù bị tiêu diệt (x)	7	4	10	3	9
Số điểm đã kiếm được (y)	196	112	280	84	252

Mỗi kẻ thù bị tiêu diệt sẽ kiếm được _____ điểm.

8)

Pound of Beef Jerky (x)	5	4	8	7	2
Giá tính bằng đô la (y)	65	52	104	91	26

Đối với mỗi pound thịt bò khô, nó có giá _____ đô la.

Câu trả lời

Vd. $y = 12x$

1. _____

2. _____

3. _____

4. _____

5. _____

6. _____

7. _____

8. _____



Xác định hằng số tỉ lệ của mỗi bảng. Viết câu trả lời dưới dạng $y = kx$.

Vd)

Thời gian tính bằng phút (x)	3	9	10	6	5
Khoảng cách đi được tính bằng mét (y)	36	108	120	72	60

Mỗi phút đi được 12 mét.

1)

Thanh sôcôla (x)	10	9	2	5	4
Lượng calo (y)	3.870	3.483	774	1.935	1.548

Mỗi thanh sô cô la có 387 calo.

2)

Thời gian tính bằng phút (x)	9	3	2	7	5
Gallon nước được sử dụng (y)	180	60	40	140	100

Mỗi phút 20 gallon nước được sử dụng.

3)

Hộp kẹo (x)	9	2	7	3	4
Những miếng kẹo (y)	180	40	140	60	80

Đối với mỗi hộp kẹo, bạn nhận được 20 miếng.

4)

Phiếu bầu cho Hà (x)	7	8	10	6	4
Phiếu bầu cho Tài (y)	231	264	330	198	132

Đối với Mỗi phiếu bầu cho Hà, đã có 33 phiếu bầu cho Tài.

5)

Điện thoại đã Bán (x)	6	10	9	8	5
Tiền kiếm được (y)	288	480	432	384	240

Mỗi điện thoại bán ra kiếm được 48 đô la.

6)

Ly nước chanh (x)	9	4	8	5	2
Chanh được sử dụng (y)	27	12	24	15	6

Đối với mỗi ly nước chanh, có 3 quả chanh được sử dụng.

7)

Kẻ thù bị tiêu diệt (x)	7	4	10	3	9
Số điểm đã kiếm được (y)	196	112	280	84	252

Mỗi kẻ thù bị tiêu diệt sẽ kiếm được 28 điểm.

8)

Pound of Beef Jerky (x)	5	4	8	7	2
Giá tính bằng đô la (y)	65	52	104	91	26

Đối với mỗi pound thịt bò khô, nó có giá 13 đô la.

Câu trả lời

Vd. $y = 12x$

1. $y = 387x$

2. $y = 20x$

3. $y = 20x$

4. $y = 33x$

5. $y = 48x$

6. $y = 3x$

7. $y = 28x$

8. $y = 13x$